

Bản án số: 1018/2024/DS-PT

Ngày 09/12/2024

V/v tranh chấp đòi tài sản và yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Chung Văn Kết

Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Lê Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2024/DS-PT ngày
07/05/2024, về việc: Tranh chấp đòi tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản
do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 2646/2023/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm
2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6948/2024/QĐPT,
ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số C đường N, ấp A, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Võ Phan Lê N - chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện N

Ông Nguyễn X xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Quốc D, sinh năm 1980 – Phó trưởng Ban bồi thường giải
phóng mặt bằng huyện N. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Tiến A, sinh năm 1979 – Phó trưởng Phòng nghiệp vụ 4,
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện N. (có mặt)

3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1978 – Phó trưởng Phòng tài nguyên và Môi
trường huyện N. Vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982 – Phó trưởng Phòng tư pháp huyện Nhà Bè. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên lạc: 330 đường N, ấp A, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943. (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 tổ D, ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Minh B, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 ấp C, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1959. (có mặt)

Địa chỉ: 3 ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Minh P, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà Lê Thị Kim M, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: 3 đường Đ, phường B, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lê Thị Kim H1, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: A ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Lê Thị Kim T2, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: 1 đường N, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

7. Bà Lê Thị Kim X1, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: D ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Lê Thị Kim T3, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ô Khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị L, Lê Thị T1, Lê Minh B, Lê Minh P, Lê Thị Kim M, Lê Thị Kim H1, Lê Thị Kim T3, Lê Thị Kim T2:

- Ông Nguyễn Đình A1, sinh năm 1990; cư trú: A H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bà Lê Thị Kim X1, sinh năm 1982; cư trú: D ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Theo các Giấy ủy quyền ngày 11/4/2024 của Phòng C1 tỉnh Tây Ninh; Giấy ủy quyền số 001400 ngày 11/4/2024 của VPCC Nguyễn Đức Đ, số C N, ấp A, xã P, huyện N, T4 npho61 Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền số 673 ngày 12/4/2024 của VPCC Nguyễn Thanh Đ1, số A đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ)

Người kháng cáo: Bị đơn gồm các ông, bà Nguyễn Thị L, Lê Thị T1, Lê Thị Kim X1, Lê Minh B, Lê Minh P, Lê Thị Kim H1, Lê Thị Kim M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tiến A trình bày:*

Dựa theo danh sách các hộ dân sử dụng đất trong dự án xây dựng đường C - L do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N xác định, kèm theo bản trích lục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 15, tờ bản đồ số 46, diện tích 3.176 m² (Thuộc thửa đất số 1388, tờ bản đồ số 02, xã N, theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 023016 ngày 21 tháng 2 năm 2018 cho ông Lê Minh T5 và bà Nguyễn Thị Lê .

Ngày 16 tháng 10 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định bồi thường số 818/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Lê Minh T5 trong dự án xây dựng đường C - L. Diện tích bồi thường, hỗ trợ là 1.187m² thuộc một phần thửa đất 1388, tờ bản đồ số 02. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 854.928.000 đồng.

Ngày 21 tháng 10 năm 2014, ông Lê Minh T5 đã ký nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 854.928.000 đồng và cam kết nếu ai có tranh chấp hoặc khiếu nại gì về khu đất này thì ông Lê Minh T5 hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tháng 11 năm 2015, ông Lê Tấn C cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0186/QSDD/H-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2003 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Lê Tấn C, diện tích là 3.276m² thuộc thửa đất số 1388, tờ bản đồ số 02, xã N và ông C đề nghị lập hồ sơ bồi thường đối với phần thửa đất số 1388 bị ảnh hưởng bởi dự án. Qua xác minh thực tế, thửa đất số 1388, tờ bản đồ số 02, xã N hiện do hộ ông Lê Tấn C trực tiếp quản lý sử dụng nên việc cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Minh P và sau đó ông P tặng cho ông Lê Minh T5 là chưa đúng quy định pháp luật (Theo báo cáo số 26/BC-TNMT ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Phòng T7).

Ngày 13 tháng 01 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 371/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định 818/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường hỗ trợ đối với ông Lê Minh T5 với lý do bồi thường không đúng đối tượng. Ủy ban nhân dân huyện N giao cho B1 bồi thường giải phòng mặt bằng phối hợp Ủy ban nhân dân xã N để giải quyết vụ việc này. Do ông Lê Minh T5 đã chết vào năm 2016, ông Lê Minh T5 và vợ là bà Nguyễn Thị L có 08 người con là: Lê Thị T1 (sinh năm 1959), Lê Minh B (sinh năm 1967), Lê Minh P (sinh năm 1972), Lê Thị Kim M (sinh năm 1974), Lê Thị Kim H1 (sinh năm 1977), Lê Thị Kim T2 (sinh năm 1979), Lê Thị Kim X1 (sinh năm 1982), Lê Thị Kim T3 (sinh năm

1985), nên ban bồi thường mời bà Nguyễn Thị L và các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Lê Minh T5 làm việc, đề nghị hoàn trả số tiền bồi thường, hỗ trợ là 854.928.000 đồng mà ông T5 đã nhận (Theo thông báo số 03/TB-HĐBT ngày 18 tháng 01 năm 2017 và Thông báo số 05/TB-HĐBT ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng Bồi thường giải phòng mặt bằng của dự án) nhưng bà L và các đồng thừa kế không hợp tác để hoàn trả lại cho ngân sách nhà nước số tiền nêu trên. Việc cố tình kê khai phần đất mà mình không phải là người quản lý sử dụng để nhận tiền bồi thường của ông T5 và việc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông T5 không hoàn trả lại số tiền mà ông T5 đã nhận là vi phạm pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện N khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Lê Minh T5 hoàn trả cho ngân sách nhà nước số tiền là 854.928.000 đồng (T6 trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) cộng với lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày các đồng thừa kế nhận được Quyết định số 371/QĐ-UBND cho đến ngày Tòa án xét xử.

Những người đại diện ủy quyền khác là ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất với lời trình bày trên và không có ý kiến gì khác.

** Bị đơn bà Lê Thị Kim X1 trình bày:*

- Bà X1 xác định ba mẹ bà là ông Lê Minh T5 và bà Nguyễn Thị L, ba mẹ bà có tất cả 08 người con là: Lê Thị T1 (sinh năm 1959), Lê Minh B (sinh năm 1967), Lê Minh P (sinh năm 1972), Lê Thị Kim M (sinh năm 1974), Lê Thị Kim H1 (sinh năm 1977), Lê Thị Kim T2 (sinh năm 1979), Lê Thị Kim X1 (sinh năm 1982), Lê Thị Kim T3 (sinh năm 1985). Ba bà ông Lê Minh T5 đã chết năm năm 2016. Sự việc năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường, hỗ trợ cho ba bà ông Lê Minh T5 trong dự án xây dựng đường C - L số tiền là 854.928.000 đồng thì bà không biết vì ba bà là người nhận tiền đền bù này.

- Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố: Yêu cầu hủy Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện N.

- Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X1 không đồng ý vì các lí do sau:

+ Phần đất diện tích 1187m² bị thu hồi do thuộc dự án xây dựng đường cao tốc B, L thuộc một phần thửa số 1388 tờ bản đồ số 2, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Toàn bộ thửa đất số 1388, tờ bản đồ số 03 xã N có tổng diện tích là 3.276m². Cha mẹ của bà X1 đã được công nhận chủ quyền đối với toàn bộ phần đất này, có đầy đủ chứng cứ chứng minh. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường cho ông Lê Minh T5 là đúng đối tượng.

+ Quý Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi tài sản nhà nước do chiếm hữu” là không phù hợp. Bởi lẽ ông Lê Minh T5 nhận số tiền 854.928.000 đồng hoàn toàn có căn cứ pháp luật, theo đúng Quyết định số 818/QĐ – UBND ngày 16/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện N.

+ Đối với số tiền 854.928.000 đồng mà Ủy ban nhân dân huyện N kiện đòi trong vụ án này, Ủy ban nhân dân huyện N và Ban Bồi thường giải phòng mặt bằng huyện N chỉ bồi thường và giao tiền bồi thường cho một mình ông Lê Minh T5. Mẹ của bà và tất cả các anh chị em đều không được nhận số tiền này, ông Lê Minh T5 cũng không đưa lại số tiền này cho bà L và các con. Do đó, phía bị đơn không có bất cứ nghĩa vụ nào liên quan đến số tiền 854.928.000 đồng nêu trên.

* *Bị đơn bà Lê Thị Kim T2 tại bản khai bà T2 trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý theo lời trình bày của em bà là bà X1 và bà không có yêu cầu nào khác. Bà yêu cầu cho bà được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị T1, ông Lê Minh B, ông Lê Minh P, bà Lê Thị Kim M, bà Lê Thị Kim H1, bà Lê Thị Kim T3:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản theo quy định pháp luật, các ông bà vắng mặt không lý do.

Tại Bản án dân sự số 2646/2023/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Khoản 3 và 6 Điều 26; Khoản 3 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 503, 614, 615, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 188 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới cùng với bà Lê Thị T1, ông Lê Minh B, ông Lê Minh P, bà Lê Thị Kim M, bà Lê Thị Kim H1, bà Lê Thị Kim T2, bà Lê Thị Kim X1, bà Lê Thị Kim T3 là những người đang

quản lý, sử dụng phần di sản của ông Lê Minh T5 có trách nhiệm thực hiện nghĩa tài sản trong phạm vi di sản người chết để lại, để trả cho nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 1.178.899.438 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chi trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim X1 đối với yêu cầu hủy Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2017/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với quyền sử dụng đất diện tích 500m², thuộc thửa đất số 2399, tờ bản đồ số 02, xã N, huyện N. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB050308, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00013 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 22 tháng 12 năm 2004 cho ông Lê Minh T5 và bà Nguyễn Thị Lê .

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/02/2024 bị đơn gồm các ông, bà Nguyễn Thị L, Lê Thị T1, Lê Thị Kim X1, Lê Minh B, Lê Minh P, Lê Kim H1, Lê Thị Kim M có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá đầy đủ các chứng cứ có tại hồ sơ, nhận định chưa phù hợp với quy định của pháp luật và có vi phạm nghiêm trọng tố tụng khi xét xử vắng mặt bị đơn vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Tại các phiên tòa ngày 11/9 và 30/9/2024 sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích các quy định pháp luật thì nguyên đơn và bị đơn đề nghị Hội đồng xét

xử hoãn phiên tòa để thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Phía bị đơn sẽ nộp lại số tiền mà UBND huyện N đã bồi thường nhằm cho ông Lê Minh T5 là 854.928.000 đồng và sẽ rút đơn khiếu nại đối với UBND huyện N ở một số vụ án khác, còn phía nguyên đơn UBND huyện N sẽ không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 854.928.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ngày 09/12/2024, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định do liên quan đến tiền ngân sách nhà nước nên UBND huyện N đã có nhiều cuộc họp và đi đến thống nhất cần báo cáo xin ý kiến huyện ủy nên chưa có ý kiến về việc không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 854.928.000 đồng.

Các đồng bị đơn Nguyễn Thị L, Lê Minh B, Lê Thị T1, Lê Minh P, Lê Thị Kim M, Lê Thị Kim H1 và Lê Thị Kim X1 do ông Nguyễn Đình A1 và bà Lê Thị Kim X1 đại diện có sự thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể: Sau khi Hội đồng xét xử cho hoãn phiên tòa để các bên thỏa thuận với nhau thì phí bị đơn đã nộp lại khoản tiền 854.928.000 đồng cho UBND huyện N vào ngày 24/9/2024 nhưng phí Ủy ban chưa xem xét về khoản lãi 375.000.000. Vì vậy phía bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo từ hủy Bản án sơ thẩm sang sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi và xem xét lại phần án phí sơ thẩm vì trong các đồng bị đơn có bà L và bà T1 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường nhằm cho ông Lê Minh T5 nên đã có nhiều thông báo và quyết định buộc ông T5 phải hoàn trả lại tiền nhưng ông T5 không chấp hành nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông T5 trả tiền gốc và khoản tiền lãi là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của UBND huyện N có nội dung UBND huyện N chi trả tiền bồi thường 854.928.000 đồng do thu hồi đất đối với ông Lê Minh T5 là không đúng đối tượng nên khởi kiện đòi lại số tiền này nhưng do ông T5 đã chết nên UBND huyện khởi kiện đối với những người thừa kế (hàng thừa kế thứ nhất) của ông Lê Minh T5. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Kiện đòi tài sản” là đúng nhưng chưa đầy đủ vì nguyên đơn yêu cầu những người thừa kế của ông Lê Minh T5 phải hoàn trả khoản tiền 854.928.000 đồng vì vậy cần phải xác định thêm quan hệ tranh chấp là “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”. Xét Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự vì quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng các quy định pháp luật về quan hệ pháp luật này nên chỉ cần bổ sung trong bản án phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ tư cách các đương sự trong vụ án theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, thấy rằng:

[2] Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện nguồn gốc thửa đất 1388 tờ bản đồ số 15 là của bà Nguyễn Thị B2, địa chỉ tại 1 ấp C xã N. Năm 1991 bà B2 chuyển nhượng cho ông Lê Tấn C và năm 2003 ông C được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01861 ngày 14/01/2003. Hộ gia đình ông Lê Minh T5 hoàn toàn không sử dụng thửa đất này mà canh tác tại thửa 1389 (tiếp giáp với thửa 1388). Như vậy việc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh P sau đó ông P tặng cho ông T5 là không đúng pháp luật, vì vậy việc UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ ông T5 854.928.000 đồng là sai đối tượng, nên Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 371/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 818/QĐ-UBND và Thông báo số 03/TB-HĐBT ngày 18 tháng 01 năm 2017, Thông báo số 05/TB-HĐBT ngày 22 tháng 02 năm 2017 về việc thu hồi tiền bồi thường mà ông T5 đã nhận là đúng.

[3] Do ông Lê Minh T5 chết ngày 19 tháng 02 năm 2016 (theo trích lục khai tử số 05/2016/TLKT ngày 19 tháng 02 năm 2016) nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T5 gồm bà L, bà T1, ông B, ông P, bà M, bà H1, bà T2, bà X1 và bà T3 thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, cụ thể phải có nghĩa vụ hoàn trả cho UBND huyện N số tiền 854.928.000 đồng mà ông T5 đã nhận theo Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày

16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện N trong phạm vi phần di sản do ông T5 để lại là đúng theo Điều 615 Bộ luật dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi 375.658.363 đồng: Xét việc Ủy ban nhân dân huyện N cấp hai giấy chứng nhận cho cùng một thửa đất cho ông Lê Tấn C và ông Lê Minh P là sai sót, từ đó dẫn đến việc thu hồi bồi thường nhằm cho ông Lê Minh T5 thì sai sót này là hoàn toàn thuộc về UBND huyện N. Do đó, chỉ có căn cứ buộc bị đơn hoàn trả khoản tiền 854.928.000 đồng. Hơn nữa, tại các phiên tòa ngày 11/9 và 30/9/2024 phía UBND huyện N cũng cam kết khi phía bị đơn hoàn trả khoản tiền 854.928.000 đồng bồi thường nhằm thì UBND nhân dân huyện N không yêu cầu khoản tiền lãi 375.658.363 đồng, ngày 24/9/2024 bị đơn đã nộp khoản tiền này vào ngân sách. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo như nhận định trên.

[5] Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Các đồng bị đơn phải chịu tiền án phí có giá ngạch đối với khoản tiền 854.928.000 đồng là $36.000.000 \text{ đồng} + (54.928.000 \text{ đồng} \times 3\%) = 37.647.000 \text{ đồng}$. Mỗi bị đơn phải chịu 4.183.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L và Lê Thị T1 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí sơ thẩm.

[6] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định luôn di sản thừa kế của ông Lê Minh T5 chưa được chia, cũng như xem xét đánh giá về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Lê Minh T5 với bà Nguyễn Thị Lê L1 vượt quá yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm về nội dung này.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L, Lê Minh B, Lê Thị T1, Lê Minh P, Lê Thị Kim M, Lê Thị Kim H1, Lê Thị Kim X1; Sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 166, 503, 614, 615, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 188 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới cùng với bà Lê Thị T1, ông Lê Minh B, ông Lê Minh P, bà Lê Thị Kim M, bà Lê Thị Kim H1, bà Lê Thị Kim T2, bà Lê Thị Kim X1, bà Lê Thị Kim T3 là những người đang quản lý, sử dụng phần di sản của ông Lê Minh T5 có trách nhiệm thực hiện nghĩa tài sản trong phạm vi di sản người chết để lại, để trả cho nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 854.928.000 đồng. (đã nộp xong ngày 24/9/2024).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND huyện N buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới cùng với bà Lê Thị T1, ông Lê Minh B, ông Lê Minh P, bà Lê Thị Kim M, bà Lê Thị Kim H1, bà Lê Thị Kim T2, bà Lê Thị Kim X1, bà Lê Thị Kim T3 trả khoản tiền lãi của số tiền 854.928.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chi trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim X1 đối với yêu cầu hủy Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân

dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2017/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với quyền sử dụng đất diện tích 500m², thuộc thửa đất số 2399, tờ bản đồ số 02, xã N, huyện N. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB050308, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00013 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 22 tháng 12 năm 2004 cho ông Lê Minh T5 và bà Nguyễn Thị Lê .

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Minh B, ông Lê Minh P, bà Lê Thị Kim M, bà Lê Thị Kim H1, bà Lê Thị Kim T2, bà Lê Thị Kim X1 và bà Lê Thị Kim T3 mỗi người phải chịu 4.183.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị T1.

Sung quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Kim X1 đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AD/2014/0007971 ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các ông bà Nguyễn Thị L, Lê Minh B, Lê Thị T1, Lê Minh P, Lê Thị Kim M, Lê Thị Kim H1, Lê Thị Kim X1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà các ông bà có tên trên đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0032535 ngày 08/3/2024; 0032536 ngày 08/3/2024; 0032534 ngày 08/3/2024; 0032514 ngày 06/3/2024; 0032617 ngày 15/3/2024

7. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Công Mười

Chung Văn Kết

Hoàng Minh Thịnh